TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXX-ST ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Lê Văn T; địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hòa, huyện An Dương năm 2007. Quá trình chung sống do tính tình không hòa hợp nên xảy ra nhiều bất hòa, mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không cải thiện. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có ba con chung là Lê Văn T sinh ngày 13/12/2005, Lê Thị Vân A sinh ngày 31/3/2009 và Lê Văn T sinh ngày 07/8/2014. Hiện nay các con đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị T để cho anh T nuôi cả 3 con, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Về hôn nhân, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T; về con chung, giao con Lê Văn T, Lê Thị Vân A và Lê Văn T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về án phí ly hôn sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án T hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T được UBND xã An Hòa, huyện An Dương cấp chứng nhận kết hôn số 89 ngày 13/11/2007 nên hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Các bên có con chung do anh T đang nuôi như chị T trình bày ở trên là đúng. Nguyện vọng của chị T muốn để các con cho anh T nuôi nhằm tránh xáo trộn đến cuộc sống của các con là tự nguyện; bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng được ở với bố của các con nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xét.

[6] Về T sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao con Lê Văn T sinh ngày 13/12/2005, Lê Thị Vân A sinh ngày 31/3/2009 và Lê Văn T sinh ngày 07/8/2014 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và T sản chung: Không bên nào yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5128 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã An Hòa;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng